

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH 2006 BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 01/01/2006 VÀ
KẾT THÚC NGÀY 30/11/2006

**TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU
XÂY DỰNG VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 24
7. Phụ lục 01 – Bảng tổng hợp TSCĐ hữu hình	25
8. Phụ lục 02 – Bảng tổng hợp TSCĐ vô hình	26
9. Phụ lục 03 – Danh sách các Công ty con và các Công ty Kiểm toán	27 - 29
10. Phụ lục 04 - Danh sách các Công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty	30 - 31
11. Phụ lục 04 - Danh sách các Công ty liên kết, liên doanh và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty	32

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô mới thị Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam – nay là Tổng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006 đã được kiểm toán.

Khái quát về Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam

- Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam là Tổng Công ty Nhà nước thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty bao gồm các đơn vị thành viên là các doanh nghiệp Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và các đơn vị phụ thuộc. Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật.

- Trụ sở chính : Tòa nhà Vinaconex, khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại : 04 2 249 292

Fax : 04 2 249 208

Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 6 1 6

E-mail : vinaconex@fpt.vn

Website : www.vinaconex.com.vn

- Hoạt động chính của Tổng Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 19 số 110729 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2003, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Nhận thầu, tổng thầu thi công xây lắp và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, sân bay, bến cảng, thủy lợi, đường hầm (giao thông, thủy lợi), văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, du lịch, khách sạn, công sở, trường học, bệnh viện, cấp nước, thoát nước, bưu điện, công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, nhận thầu thi công các công trình ở nước ngoài;
- Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng các loại hình công trình nêu ở mục 1, bao gồm: lập dự án đầu tư, tư vấn đầu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa, khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm, thiết kế, thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra đề án thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, kiểm định chất lượng công trình và các dịch vụ tư vấn khác;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn, du lịch lữ hành, vận chuyển khách du lịch;
- Dịch vụ cho cá nhân và các tổ chức nước ngoài thuê nhà;
- Khai thác, kinh doanh nước sạch, năng lượng, điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, xe gắn máy;

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hóa phục vụ cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển đô thị;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ và thiết bị tự động hóa;
- Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các loại vật liệu khác dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất;
- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy, kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy; kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh bia, rượu;
- Kinh doanh thuốc lá;
- Dệt, may công nghiệp;
- Khai thác thu mua, chế biến hàng nông, lâm sản (gỗ tròn, gỗ sơ chế, gỗ tinh chế, cà phê nhân và nông sản các loại);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30/11/2006, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2006 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bắt đầu ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006 của Tổng Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 26).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Kể từ ngày 01/12/2006, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30/11/2006 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ kế toán bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phí Thái Bình	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 16/9/2006)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 16/9/2006)
Ông Vũ Đình Châm	Ủy viên
Ông Tô Ngọc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Hợp Thương	Ủy viên kiêm trưởng ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc		30/11/2006
Ông Trương Quang Nghĩa	Tổng Giám đốc	01/12/2006	
Ông Trịnh Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Lê Công Ích	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Thành Phương	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc		

Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày bỏ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Thiết		08/01/2007
Ông Trần Văn Tám	08/01/2007	

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 27, 28/11/2006 thì Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Cổ phần gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Trương Quang Nghĩa	Ủy viên
Ông Tô Ngọc Thành	Ủy viên
Ông Trịnh Hoàng Duy	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên
Ông Phan Minh Tuấn	Ủy viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2006 bắt đầu ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ trung thực hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính hợp nhất và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 11 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2006 vào Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bắt đầu ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/2006 của Tổng Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Trang



Trương Quang Nghĩa - Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 7 năm 2007



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: 161/2007/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH 2006 BẮT ĐẦU TỪ NGÀY
01/01/2006 VÀ KẾT THÚC NGÀY 30/11/2006 CỦA
TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 11 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006, được lập ngày 12 tháng 7 năm 2007, từ trang 8 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Cơ sở ý kiến của chúng tôi được dựa trên ý kiến của kiểm toán viên của A&C về báo cáo tài chính năm 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/2006 của Khối văn phòng Tổng Công ty; báo cáo tài chính năm 2006 của Công ty Cổ phần xây dựng số 2, Công ty Cổ phần Xây dựng số 12, Công ty Cổ phần Xây dựng số 17, Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex và ý kiến của các kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán khác về báo cáo tài chính của các Công ty con của Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (danh mục các Công ty con được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006 và tổ chức thực hiện kiểm toán tại Phụ lục 03 trang 27 - 28 kèm theo).

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra việc lập báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty và kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

▪ *Việc thực hiện Chuẩn mực hợp nhất Báo cáo tài chính*

Năm tài chính 2006 là năm tài chính thứ 2 Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam thực hiện chuẩn mực hợp nhất Báo cáo tài chính. So với quy định của chuẩn mực kế toán Việt nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào Công ty con” và thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực thì việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty còn một số hạn chế sau:

- Khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty;
- Doanh thu và giá vốn hàng bán nội bộ trong Tổng Công ty chưa được loại trừ khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Tại các đơn vị thành viên, khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty được phản ánh trên các khoản mục khác nhau như: phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải thu phải trả nội bộ, phải thu, phải trả khác. Do vậy, các khoản phải thu phải trả nội bộ trong Tổng Công ty chưa được loại trừ hoàn toàn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

▪ *Các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán*

Báo cáo tài chính năm 2006 của một số đơn vị thành viên chưa được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập gồm: Công ty Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Dệt lụa Việt Nam, Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex chưa được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, đối với Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Khoáng sản Vinaconex toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty đã được bàn giao về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại thời điểm ngày 01/01/2007.

▪ *Ảnh hưởng của các ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán của các đơn vị thành viên.*

Tại Phụ lục 03 trang 27 - 28 chỉ rõ các Công ty con của Tổng Công ty được thực hiện bởi nhiều Công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam. Trên báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm 2006 của các đơn vị còn có ý kiến ngoại trừ của các kiểm toán viên, điều đó sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Hồng Thanh – Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2007

Nguyễn Hoàng Đức – Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/ 2006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.200.045.756.239	5.074.251.697.933
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.666.648.149.581	463.542.677.006
1. Tiền	111		1.619.542.049.581	418.696.048.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.106.100.000	44.846.628.143
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.270.417.012	85.643.756.205
1. Đầu tư ngắn hạn	121		110.270.417.012	85.643.756.205
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.493.023.749.463	2.599.182.501.418
1. Phải thu khách hàng	131		1.470.016.572.761	1.259.183.497.464
2. Trả trước cho người bán	132		1.069.296.686.027	465.945.732.048
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.514.367.844.160	347.026.255.919
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		69.691.548.716	72.657.673.446
5. Các khoản phải thu khác	135		373.331.367.135	455.569.239.255
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.680.269.336)	(1.199.896.714)
IV. Hàng tồn kho	140	V.1	2.566.318.637.571	1.755.835.405.259
1. Hàng tồn kho	141		2.566.674.210.631	1.756.128.147.506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(355.573.060)	(292.742.247)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		363.784.802.612	170.047.358.045
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.2	62.705.201.751	50.911.892.654
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		73.383.268.553	49.714.421.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.796.659.139	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		225.899.673.169	69.421.043.473

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/ 2006

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.157.170.947.919	3.477.147.606.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.110.836.295	19.358.391.226
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		10.886.793.862	17.374.098.473
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	367.101.687
4. Phải thu dài hạn khác	218		469.239.652	1.810.390.066
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(245.197.219)	(193.199.000)
II. Tài sản cố định	220		5.493.155.352.533	3.042.255.668.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	1.204.128.812.403	1.354.907.972.529
<i>Nguyên giá</i>	222		1.997.245.572.786	1.980.203.887.283
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(793.116.760.383)	(625.295.914.754)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.4	1.810.706.931	1.084.240.169
<i>Nguyên giá</i>	225		5.575.114.245	4.634.419.118
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(3.764.407.314)	(3.550.178.949)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	41.205.750.311	39.791.044.603
<i>Nguyên giá</i>	228		48.476.783.335	45.085.891.548
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.271.033.024)	(5.294.846.945)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		4.246.010.082.888	1.646.472.411.214
III. Bất động sản đầu tư	240		208.648.065.405	18.870.875.284
<i>Nguyên giá</i>	241	V.6	225.315.215.472	21.089.162.946
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(16.667.150.067)	(2.218.287.662)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		217.492.519.878	130.059.406.934
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	84.998.940.067	46.062.188.857
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	132.493.579.811	83.997.218.077
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		226.764.173.808	266.603.264.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.9	226.502.796.623	263.263.484.826
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		261.377.185	3.339.779.652
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		15.357.216.704.158	8.551.399.304.370

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.044.570.089.959	7.185.576.247.275
I. Nợ ngắn hạn	310		9.469.809.190.694	5.314.004.358.560
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	2.218.006.032.329	1.533.267.855.724
2. Phải trả người bán	312		1.241.629.333.022	1.238.950.018.569
3. Người mua trả tiền trước	313		2.381.050.650.477	1.443.649.975.421
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	137.290.014.733	130.179.567.346
5. Phải trả người lao động	315		54.033.097.836	46.330.867.755
6. Chi phí phải trả	316		406.704.844.809	239.737.994.328
7. Phải trả nội bộ	317		929.629.261.633	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	9.665.452.340
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.101.465.955.855	672.222.627.077
II. Nợ dài hạn	330		4.574.760.899.265	1.871.571.888.715
1. Phải trả dài hạn người bán	331		128.758.279.792	4.963.923.781
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		354.371.290.415	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		84.704.365.126	9.613.657.591
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	3.999.417.411.545	1.856.994.307.343
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.212.223.178	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.297.329.209	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.008.081.554.012	1.167.404.365.857
I. Vốn chủ sở hữu	410		938.128.761.850	1.096.874.755.881
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.13	914.332.391.249	1.064.454.861.422
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.296.689.435	220.221.285
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.353.316.963	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		170.028.950	2.068.405.656
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(54.239.673.646)	(154.964.998)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.360.210.924	20.127.251.556
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.298.749.099	4.182.326.319
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		64.689.199	262.412.402
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.492.359.677	5.714.242.239
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		69.952.792.162	70.529.609.976
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		65.870.333.724	66.197.287.861
2. Nguồn kinh phí	432		3.291.951.923	2.836.763.410
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		790.506.515	1.495.558.705
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.13	304.565.060.187	198.418.691.238
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.357.216.704.158	8.551.399.304.370

Kế toán trưởng



Trần Văn Tám

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2007

Tổng Giám đốc



Trương Quang Nghĩa

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/ 2006

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.708.592.380.019	4.208.483.256.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.904.063.211	1.325.037.314
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.706.688.316.808	4.207.158.219.684
4. Giá vốn hàng bán	11		5.118.609.213.610	3.652.925.891.906
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		588.079.103.199	554.232.327.778
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	83.988.104.501	113.430.832.559
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	216.411.291.930	212.702.414.403
Trong đó: chi phí lãi vay	23	VI.2	211.030.703.550	196.157.896.529
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	49.678.678.524	52.847.418.848
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	288.339.226.590	174.621.991.474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		117.638.010.655	227.491.335.612
11. Thu nhập khác	31	VI.5	41.180.611.078	45.219.918.238
12. Chi phí khác	32	VI.6	21.928.136.495	18.353.656.863
13. Lợi nhuận khác	40		19.252.474.583	26.866.261.375
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	50		17.945.050.284	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		154.835.535.522	254.357.596.987
16.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61		30.424.170.685	53.849.195.599
16.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		124.411.364.837	200.508.401.388
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		42.414.924.096	33.105.799.217
17.2 Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	72		81.996.440.741	167.402.602.171

Kế toán trưởng



Trần Văn Tâm



Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2007

Tổng Giám đốc


 Trương Quang Nghĩa

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/ 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		154.835.535.522
2. Điều chỉnh các khoản:			485.263.845.264
- Khấu hao tài sản cố định	02		237.492.978.812
- Các khoản dự phòng	03		3.892.530.863
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		54.011.557.229
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.163.925.190)
- Chi phí lãi vay	06		211.030.703.550
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		640.099.380.786
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(3.461.729.827.665)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(810.483.232.312)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		4.370.999.343.529
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		24.967.379.106
- Tiền lãi vay đã trả	13		(187.981.651.140)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(57.220.607.212)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(10.326.954.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		508.323.830.955
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.472.639.912.894)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		19.048.657.954
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(107.729.363.465)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74.228.778.293
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(112.923.332.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.535.591.366
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.791.750.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.575.687.830.827)

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 30/11/ 2006

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		493.300.011.518
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(128.161.237.383)
3. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33		4.501.199.962.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.580.171.726.756)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(142.575.492)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.783.078.280)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.270.241.356.030</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		1.202.877.356.158
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	463.542.677.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		228.116.417
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	V.1	1.666.648.149.581

Kế toán trưởng



Trần Văn Tám



Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2007

Tổng Giám đốc

Trương Quang Nghĩa

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và thúc ngày 30/11/2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Tổng Công ty Nhà nước

2. Ngành nghề kinh doanh :

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 19 số 110729 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2003, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Nhận thầu, tổng thầu thi công xây lắp và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, sân bay, bến cảng, thủy lợi, đường hầm (giao thông, thủy lợi), văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, du lịch, khách sạn, công sở, trường học, bệnh viện, cấp nước, thoát nước, bưu điện, công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, nhận thầu thi công các công trình ở nước ngoài;
- Tư vấn, tổng thầu tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng các loại hình công trình nêu ở mục 1, bao gồm: lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa, khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm, thiết kế, thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra đề án thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, kiểm định chất lượng công trình và các dịch vụ tư vấn khác;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn, du lịch lữ hành, vận chuyển khách du lịch;
- Dịch vụ cho cá nhân và các tổ chức nước ngoài thuê nhà;
- Khai thác, kinh doanh nước sạch, năng lượng, điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, xe gắn máy;
- Làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hóa phục vụ cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển đô thị;
- Chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ và thiết bị tự động hóa;
- Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm: đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường và các loại vật liệu khác dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất;

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy, kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cầu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Thực hiện các dịch vụ khác như: cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy; kinh doanh, dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, các loại cầu kiện siêu trường, siêu trọng, vật liệu xây dựng;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh bia, rượu;
- Kinh doanh thuốc lá;
- Dệt, may công nghiệp;
- Khai thác thu mua, chế biến hàng nông, lâm sản (gỗ tròn, gỗ sơ chế, gỗ tinh chế, cà phê nhân và nông sản các loại);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng năm tài chính 2006 của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/11.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

4. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các khoản đầu tư khác được đánh giá lại và ghi nhận theo phương pháp vốn chủ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Chuẩn mực kế toán số 25 – “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào Công ty con”, đoạn 17 quy định “Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán là khác nhau, Công ty con phải lập thêm một bộ Báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất có kỳ kế toán trùng với kỳ kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp điều này không thể thực hiện được, Báo cáo tài chính có thể lập vào thời điểm khác nhau có thể được sử dụng miễn là thời gian chênh lệch đó không vượt quá 3 tháng”, theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Khối văn phòng Tổng Công ty (Công ty mẹ) kết thúc ngày 30/11/2006 và Báo cáo tài chính của các Công ty con kết thúc ngày 31/12/2006, phương pháp lập như sau:

6.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của Khối văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các Công ty con, các Công ty liên kết, liên doanh.
 - + Lợi ích của Cổ đông thiểu số.
- Các chỉ tiêu chưa được thực hiện điều chỉnh khi lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.
 - + Các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty được phản ánh trên các khoản mục khác nhau như: phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải thu khác, phải trả khác. Do vậy, các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty chưa được loại trừ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Khối văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Một phần doanh thu, giá vốn hàng bán nội bộ giữa các đơn vị thành viên.
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Các chỉ tiêu chưa được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Phần lớn doanh thu, giá vốn hàng bán nội bộ giữa các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở:

- Luồng tiền từ hoạt động kinh doanh được lập căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Luồng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính được lập bằng cách cộng hợp từng chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của khối Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

Một số chỉ tiêu được điều chỉnh liên quan đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất gồm:

- + Phần lớn luồng tiền Công ty mẹ đem góp vốn vào các Công ty con trong năm.
- + Một phần tiền vay và tiền lãi vay nội bộ giữa các thành viên trong Tổng Công ty
- + Một phần tiền giao dịch mua tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ giữa các thành viên trong Tổng Công ty

Một số chỉ tiêu chưa được điều chỉnh liên quan đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ gồm:

- + Phần lớn luồng tiền giữa các Công ty con góp vốn vào nhau.
- + Phần lớn tiền vay và tiền lãi vay nội bộ giữa các thành viên trong Tổng Công ty
- + Phần lớn tiền giao dịch mua tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản nội bộ giữa các thành viên trong Tổng Công ty

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	5.348.066.285	952.870.706
Nguyên liệu, vật liệu	203.765.661.544	76.136.853.623
Công cụ, dụng cụ	21.164.862.004	12.022.444.242
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.181.596.487.570	1.541.088.090.756
Thành phẩm	122.369.852.151	88.870.542.689
Hàng hóa	18.440.767.440	22.319.359.034
Hàng gửi đi bán	13.988.513.637	14.737.986.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(355.573.060)	(292.742.247)
Cộng	2.566.318.637.571	1.755.835.405.259

2. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	27.938.818.904	11.022.651.891	18.285.603.082	4.150.207.456	16.525.660.257
Chi phí bảo hiểm	42.948.470	262.377.528	263.951.389	-	41.374.609
Chi phí khác	22.930.125.280	38.324.163.381	14.063.369.756	1.052.752.020	46.138.166.885
Cộng	50.911.892.654	49.609.192.800	32.612.924.227	5.202.959.476	62.705.201.751

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Xem thuyết minh Phụ lục số 01 trang 25.

4. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.094.515.671	2.539.903.447	4.634.419.118
Tăng trong năm	-	940.695.127	940.695.127
Số cuối năm	2.094.515.671	3.480.598.574	5.575.114.245
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	1.940.990.013	1.609.188.936	3.550.178.949
Khấu hao trong năm	1.763.460	237.433.333	239.196.793
Giảm khác	-	24.968.428	24.968.428
Số cuối năm	1.942.753.473	1.821.653.841	3.764.407.314
Giá trị còn lại			-
Số đầu năm	153.525.658	930.714.511	1.084.240.169
Số cuối năm	151.762.198	1.658.944.733	1.810.706.931

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Xem thuyết minh Phụ lục số 02 trang 26.

6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	
Số đầu năm	21.089.162.946
Tăng trong năm	204.226.052.526
Số cuối năm	225.315.215.472
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	2.218.287.662
Khấu hao trong năm	14.448.862.405
Giảm khác	-
Số cuối năm	16.667.150.067
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	18.870.875.284
Số cuối năm	208.648.065.405

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
<i>Công ty liên kết</i>	46.069.657.040	21.626.219.503
Công ty CP dịch vụ bảo vệ	450.000.000	150.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị SG Tây Bắc	12.815.000.000	12.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm	11.052.000.000	-
Công ty CP ĐTTM Vinaconex	800.476.484	800.476.484
Công ty TNHH Mai Động	6.500.000.000	5.120.743.019
Công ty CP ĐTPT Điện Miền Bắc 3	-	2.875.000.000
Công ty CP ĐT và PT Điện miền Trung	1.575.000.000	-
Công ty CP ĐTTM Vinaconex - UPGC	12.877.180.556	-
Khác	-	180.000.000
<i>Công ty liên doanh</i>	14.488.735.094	24.435.969.354
Liên doanh Vinaconex – Taisei	10.162.950.281	20.110.184.541
Liên doanh VIKOWA	4.325.784.813	4.325.784.813
<i>Đánh giá lại các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ</i>	24.440.547.933	-
Cộng	84.998.940.067	46.062.188.857
8. Đầu tư dài hạn khác		
Công ty cổ phần phát triển Bóng đá Việt Nam	180.000.000	180.000.000
Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	2.761.753.930	2.761.753.930
Công ty cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả	2.405.911.750	2.405.911.750
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Olympic	-	2.500.000.000
Công cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh	8.553.350.000	8.553.350.000
Công ty cổ phần cấp nước Kinh Đông	-	3.000.000.000
Công ty CP ĐTPT Điện Miền Bắc 3	2.875.000.000	-
Đầu tư đất tại Quận 2	48.413.403.524	43.213.227.802
Đầu tư đất tại Vung Hương - Hải Phòng	4.687.016.725	4.000.000.000
Công ty Bê Tông Phan Vũ	-	150.000.000
CAVICO Cầu Hàm vay	-	830.261.704
Trái phiếu, công trái	167.900.000	42.000.000
Công ty CP ĐTTM B.O.T	200.000.000	-
Cho vay dài hạn khác	47.661.885.357	-
<i>Đánh giá lại các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ</i>	2.819.462.025	-
Khác	10.367.896.500	14.960.712.891
Cộng	132.493.579.811	83.997.218.077

112
CH
C
ACH
EM
T
4N

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	8.231.510.631	30.587.761.484	17.207.416.508	2.258.745.141	19.353.110.466
Vật tư luân chuyển	3.501.820.798	854.633.410	3.323.286.065	-	1.033.168.143
Lợi thế thương mại	155.182.047.031	117.685.007	48.126.895.581	-	107.172.836.457
Chi phí SC lớn	373.451.488	747.092.542	1.040.333.496	-	80.210.534
Chi phí lãi vay	1.904.568.602	378.252.785	424.621.802	-	1.858.199.585
Chi phí khác	94.070.086.276	16.417.597.035	13.482.411.873	-	97.005.271.438
Cộng	263.263.484.826	49.103.022.263	83.604.965.325	2.258.745.141	226.502.796.623

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng	2.101.869.482.892	1.456.745.656.900
Vay các Công ty, tổ chức tài chính khác	93.834.560.839	60.771.919.814
Vay Cá nhân	22.301.988.598	15.750.279.010
Cộng	2.218.006.032.329	1.533.267.855.724

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	41.852.523.532	218.477.139.418	168.830.093.084	91.499.569.866
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	271.936	13.741.357.055	13.697.003.607	44.625.384
Thuế xuất, nhập khẩu	2.841.612.182	8.241.936.324	7.049.945.119	4.033.603.387
Thuế TNDN	51.930.863.141	22.468.600.599	57.220.607.212	17.178.856.528
Thuế thu nhập cá nhân	1.373.085.292	1.973.890.522	1.440.464.608	1.906.511.206
Thuế tài nguyên	9.945.786.240	368.316.004	1.525.025.145	8.789.077.099
Thuế nhà đất	16.203.313.107	7.579.743.336	11.366.412.562	12.416.643.881
Thuế thu trên vốn	860.800.590	1.916.315.902	1.991.500.136	785.616.356
Các loại thuế khác	5.171.311.326	11.342.149	4.547.142.449	635.511.026
Cộng	130.179.567.346	274.778.641.309	267.668.193.922	137.290.014.733

12. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ ngân hàng	3.555.937.981.354	1.319.642.754.523
Vay và nợ tổ chức	294.218.329.944	461.201.367.493
Vay và nợ cá nhân	149.261.100.247	76.150.185.327
Cộng	3.999.417.411.545	1.856.994.307.343

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số****Tại ngày 01/01/2006**

Chỉ tiêu	Cộng số dư trên báo cáo của các đơn vị được hợp nhất	Xác định lợi ích Cổ đông thiểu số	Số dư trên báo cáo tài chính hợp nhất
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.214.912.670.858	150.457.809.436	1.064.454.861.422
- Thặng dư vốn cổ phần	407.509.400	187.288.115	220.221.285
- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	2.194.933.134	126.527.478	2.068.405.656
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(154.964.998)	-	(154.964.998)
- Quỹ đầu tư phát triển	40.755.663.758	20.628.412.202	20.127.251.556
- Quỹ dự phòng tài chính	7.256.290.885	3.073.964.566	4.182.326.319
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	281.261.222	18.848.820	262.412.402
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29.640.082.860	23.925.840.621	5.714.242.239
Tổng cộng	1.295.293.447.119	198.418.691.238	1.096.874.755.881

Tại ngày 30/11/2006

Chỉ tiêu	Cộng số dư trên báo cáo của các đơn vị được hợp nhất	Xác định lợi ích Cổ đông thiểu số	Số dư trên báo cáo tài chính hợp nhất
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.152.161.501.957	237.829.110.708	914.332.391.249
- Thặng dư vốn cổ phần	10.362.018.500	5.065.329.065	5.296.689.435
- Vốn khác của chủ sở hữu	5.662.038.621	1.308.721.658	4.353.316.963
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	257.516.104	87.487.154	170.028.950
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(54.239.673.646)	-	(54.239.673.646)
- Quỹ đầu tư phát triển	65.439.227.922	30.079.016.998	35.360.210.924
- Quỹ dự phòng tài chính	10.653.909.023	4.355.159.924	6.298.749.099
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	90.493.574	25.804.375	64.689.199
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	52.306.789.982	25.814.430.305	26.492.359.677
Tổng cộng	1.242.693.822.037	304.565.060.187	938.128.761.850

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

	<u>Năm nay</u>
1. Doanh thu tài chính	
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.742.484.010
Lãi tiền cho vay	64.083.625.998
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.621.237.385
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.189.076.171
Doanh thu tài chính khác	2.351.680.937
Cộng	83.988.104.501
2. Chi phí tài chính	
Chi phí lãi vay	211.030.703.550
Lãi mua hàng trả chậm	2.212.450.799
Chiết khấu thanh toán	3.168.137.581
Cộng	216.411.291.930
3. Chi phí bán hàng	
Chi phí nhân viên	4.286.357.513
Chi phí vật liệu	1.489.802.938
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.066.294.482
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.966.747.685
Chi phí bảo hành công trình	7.394.498.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.666.999.544
Chi phí bằng tiền khác	23.807.978.088
Cộng	49.678.678.524
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí nhân viên quản lý	115.672.848.906
Chi phí vật liệu quản lý	6.522.348.059
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.290.086.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.821.084.432
Thuế, phí và lệ phí	4.480.358.446
Chi phí dự phòng	2.899.659.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.469.993.004
Chi phí bằng tiền khác	102.182.847.747
Cộng	288.339.226.590

3-C
1
UHAN
VĂN
HÀNG

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa – Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
5. Thu nhập khác	
Thanh lý TSCĐ	17.665.602.113
Thu nhập khác	23.515.008.965
Cộng	41.180.611.078
6. Chi phí khác	
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	13.676.483.083
Xử lý hàng tồn kho	628.438.095
Chi phí khác	7.623.215.317
Cộng	21.928.136.495

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	59,91	59,34
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	40,09	40,66
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	93,44	86,35
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	6,56	13,65
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,09	1,19
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,97	0,95
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,18	0,09
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	2,65	5,83
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,13	4,59
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,01	2,97
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,81	2,34
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8,74	15,26

Kế toán trưởng


Trần Văn TámLập, ngày 12 tháng 7 năm 2007
Tổng giám đốc**Trương Quang Nghĩa**

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Số đầu năm	615.532.221.996	1.052.666.811.392	257.526.212.823	39.024.299.346	15.454.341.726	1.980.203.887.283
Mua trong năm	8.486.365.725	92.684.428.154	36.499.528.651	8.894.653.589	8.124.654.717	154.689.630.836
Dầu tư XDCB hoàn thành	103.810.353.964	55.586.876.184	9.296.819.682	1.093.966.684	186.407.084	169.974.423.598
Tăng khác	4.134.024.528	433.357.107	31.115.000	30.765.287	-	4.629.261.922
Chuyển sang BDS đầu tư	179.050.333.813	-	-	-	-	179.050.333.813
Thanh lý, nhượng bán	12.521.441.200	21.173.592.803	4.309.230.671	511.024.371	219.340.436	38.734.629.481
Giảm do đem đi vốn góp	1.397.177.608	-	-	114.348.634	-	1.511.526.242
Giảm khác	5.180.403.861	62.962.469.265	23.671.751.277	1.064.177.723	76.339.191	92.955.141.317
Số cuối năm	533.813.609.731	1.117.235.410.769	275.372.694.208	47.354.134.178	23.469.723.900	1.997.245.572.786
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	99.124.052.234	377.199.342.577	113.686.408.343	24.638.634.495	10.647.477.105	625.295.914.754
Khấu hao trong năm	35.063.660.253	157.840.309.314	35.418.929.193	7.077.631.970	2.092.448.082	237.492.978.812
Tăng khác	1.427.110.285	3.189.789.205	603.917.108	14.893.194	-	5.235.709.792
Chuyển sang BDS đầu tư	11.985.291.592	-	-	-	-	11.985.291.592
Thanh lý, nhượng bán	2.994.652.615	14.242.119.821	1.646.352.342	344.876.577	-	19.228.001.355
Giảm khác	2.795.179.939	30.648.932.392	9.097.334.124	933.763.137	219.340.436	43.694.550.028
Số cuối năm	117.839.698.626	493.338.388.883	138.965.568.178	30.452.519.945	12.520.584.751	793.116.760.383
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	516.408.169.762	675.467.468.815	143.839.804.480	14.385.664.851	4.806.864.621	1.354.907.972.529
Số cuối năm	415.973.911.105	623.897.021.886	136.407.126.030	16.901.614.233	10.949.139.149	1.204.128.812.403

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2006 bắt đầu từ ngày 01/01/2006 và kết thúc ngày 30/11/2006

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 02

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá	Giá trị quyền sử dụng đất	Giá trị thương hiệu	Phần mềm máy tính	Nhân hiệu hàng hóa	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Số đầu năm	31.294.634.773	7.557.500.000	318.217.138	1.936.000.000	3.979.539.637	45.085.891.548
Mua trong năm	1.895.000.000	-	329.967.400	-	-	2.224.967.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.404.000.000	-	77.000.000	-	-	1.481.000.000
Tăng do nhận vốn góp	-	300.000.000	-	-	-	300.000.000
Tăng khác	3.500.102.425	-	14.400.000	-	70.000.000	3.584.502.425
Giảm khác	1.126.972.000	2.480.000.000	148.606.038	-	444.000.000	4.199.578.038
Số cuối năm	36.966.765.198	5.377.500.000	590.978.500	1.936.000.000	3.605.539.637	48.476.783.335
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	2.832.815.624	1.135.717.996	135.720.677	593.666.663	596.925.985	5.294.846.945
Khấu hao trong năm	1.017.274.714	865.760.952	145.253.916	172.499.996	202.313.388	2.403.102.966
Tăng khác	-	50.000.000	-	56.000.000	-	106.000.000
Giảm khác	-	350.000.000	57.250.221	-	125.666.666	532.916.887
Số cuối năm	3.850.090.338	1.701.478.948	223.724.372	822.166.659	673.572.707	7.271.033.024
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	28.461.819.149	6.421.782.004	182.496.461	1.342.333.337	3.382.613.652	39.791.044.603
Số cuối năm	33.116.674.860	3.676.021.052	367.254.128	1.113.833.341	2.931.966.930	41.205.750.311

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 03 - DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN

STT	Tên đơn vị thành viên	Tên các Công ty Kiểm toán
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	Công ty Kiểm toán độc lập quốc gia Việt Nam (VNFC)
4	Công ty Xây dựng số 4	Không thực hiện kiểm toán
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam)
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam)
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 10	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (ASC)
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Công ty Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
11	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn tài chính Việt Nam (VFA)
13	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
14	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
15	Công ty TV&ĐT Xây dựng số 18	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán - CN Thanh Hóa (ASC)
16	Công ty Cổ phần VINACONEX 20	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam)

120
CH
C
ACH
T
W

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 03 - DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN

STT	Tên đơn vị thành viên	Tên các Công ty Kiểm toán
34	Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực và Thương mại Việt Nam (VINAMEX)	Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hanoi)
35	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Việt Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Đầu tư tài chính Nam Việt (VIET AUDITORS)
36	Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	Công ty Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
37	Công ty Cổ phần Dệt lụa Việt Nam	Không thực hiện kiểm toán
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
39	Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán - CN Thanh Hóa (ASC)
40	Công ty Cổ phần ĐTPT điện Miền Bắc 2	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nước sạch	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
42	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hanoi)
43	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hoá	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
44	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền	Công ty Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
45	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex	Không thực hiện kiểm toán
46	Công ty Cổ phần vật tư ngành nước Vinaconex	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam)
47	Công ty Cổ phần ống sợi thủy tinh Vinaconex	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
48	Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
49	Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	Không thực hiện kiểm toán

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 03 - DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN

STT	Tên đơn vị thành viên	Tên các Công ty Kiểm toán
17	Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam)
18	Công ty Cổ phần Xây dựng số 25	Công ty Kiểm toán và Kế toán (AAC)
19	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
20	Công ty Cổ phần ĐT Xây dựng & PT hạ tầng - 34	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đầu tư tài chính Châu Á (FADACO)
21	Công ty Cổ phần TV và ĐT Vinaconex 36	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
22	Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng số 45	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
23	Công ty Cổ phần VIMECO	Công ty Kiểm toán độc lập quốc gia Việt Nam (VNFC)
24	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hanoi)
25	Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hanoi)
26	Công ty Cổ phần TĐH và truyền thông	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam)
27	Công ty Cổ phần VINACONSULT	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
28	Công ty Cổ phần TV, ĐT Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới (R&D)	Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA Hanoi)
29	Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
30	Công ty Cổ phần Xây dựng và XNK Quyết Thắng	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
31	Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
32	Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương sơn Hòa Bình	Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)
33	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (ASC)

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 34 đường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 04 - DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ TỶ LỆ LỢI ÍCH CỦA TỔNG CÔNG TY

STT	Tên đơn vị thành viên	Tỷ lệ lợi ích của TCT theo cơ cấu vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích của TCT theo vốn thực góp	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	51,00%	51,00%	
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51,00%	51,00%	
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	51,00%	24,45%	
4	Công ty Xây dựng số 4	100,00%	100,00%	
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	65,00%	65,00%	
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 6	51,00%	31,28%	
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	53,44%	53,44%	
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	60,00%	60,00%	
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 10	51,00%	100,00%	
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	51,53%	27,01%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
11	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	51,00%	32,12%	
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%	
13	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	53,08%	60,53%	
14	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	51,00%	63,50%	
15	Công ty TV&ĐT Xây dựng số 18	61,47%	48,27%	
16	Công ty Cổ phần VINACONEX 20	59,67%	67,50%	
17	Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	52,50%	54,19%	
18	Công ty Cổ phần Xây dựng số 25	51,00%	51,00%	
19	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	73,41%	68,60%	
20	Công ty Cổ phần ĐT Xây dựng & PT hạ tầng - 34	51,00%	41,25%	
21	Công ty Cổ phần TV và ĐT Vinaconex 36	52,28%	71,70%	
22	Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng số 45	74,40%	66,48%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
23	Công ty Cổ phần VIMECO	51,00%	51,00%	
24	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	62,77%	74,98%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
25	Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	60,00%	60,00%	
26	Công ty Cổ phần TĐH và truyền thông	56,00%	72,89%	
27	Công ty Cổ phần VINACONSULT	51,00%	51,00%	
28	Công ty Cổ phần TV, ĐT Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới (R&D)	51,00%	51,00%	
29	Công ty Cổ phần đá ốp lát cao cấp Vinaconex	63,49%	64,25%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
30	Công ty Cổ phần XD và XNK Quyết Thắng	56,00%	61,72%	
31	Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	51,00%	34,96%	
32	Công ty Cổ phần Xi măng Vinaconex Lương sơn Hòa Bình	55,00%	70,01%	

TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 34 đường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 04 - DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON VÀ TỶ LỆ LỢI ÍCH CỦA TỔNG CÔNG TY

STT	Tên đơn vị thành viên	Tỷ lệ lợi ích của TCT theo cơ cấu vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích của TCT theo vốn thực góp	Ghi chú
33	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	82,35%	82,92%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
34	Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực và Thương mại Việt Nam (VINAMEX)	71,10%	85,46%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
35	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Việt Nam	61,35%	80,26%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
36	Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	58,10%	55,18%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
37	Công ty Cổ phần Dệt lụa Việt Nam	56,19%	51,62%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
38	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	96,25%	67,20%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
39	Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt	51,00%	51,00%	
40	Công ty Cổ phần ĐTPT điện Miền Bắc 2	93,53%	99,21%	
41	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Nước sạch	59,43%	87,07%	
42	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	57,68%	27,86%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
43	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinaconex Thanh Hoá	63,87%	13,11%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
44	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tràng Tiền	90,00%	75,56%	
45	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex	100,00%	100,00%	
46	Công ty Cổ phần vật tư ngành nước Vinaconex	54,63%	43,92%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
47	Công ty Cổ phần ống sợi thủy tinh Vinaconex	56,20%	39,17%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
48	Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	47,95%	72,12%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty và gián tiếp qua các Công ty con
49	Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	48,03%	41,93%	Đầu tư trực tiếp tại Tổng Công ty là 24,59% và đầu tư gián tiếp qua các Công ty con



TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 34 đường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 04 - DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH VÀ TỶ LỆ LỢI ÍCH CỦA TỔNG CÔNG TY

STT	Tên đơn vị thành viên	Tỷ lệ lợi ích của TCT theo cơ cấu vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích của TCT theo vốn thực góp	Ghi chú
1	Công ty CP DV Bảo vệ	30,00%	30,00%	
2	Công ty CP Phát triển Đô thị SG Tây Bắc	25,00%	8,33%	
3	Công ty CP UPGC	25,00%	34,14%	
4	Công ty CP ĐT và PT Điện miền Trung	25,00%	54,57%	
5	Công ty Liên doanh Taisei	29,00%	29,00%	
6	Công ty CP XD công trình ngầm VINA VICO	30,00%	30,00%	